

ĐẶC ĐIỂM TRUYỀN THUYẾT VỀ CÁC NHÂN VẬT CÓ CÔNG CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đỗ Thị Hồng Hạnh

1. Đặt vấn đề

Khái niệm *Truyền thuyết nhân vật* là một khái niệm dùng để chỉ các câu chuyện kể trong dân gian về các nhân vật lịch sử trong quá khứ. Các nhân vật này có vai trò, sự ảnh hưởng đối với đồng đảo quần chúng nhân dân ở một vùng miền hoặc ở một địa phương cụ thể. Nếu như truyền thuyết địa danh quan tâm lí giải về nguồn gốc tên gọi của địa danh thì truyền thuyết nhân vật chủ yếu thể hiện thái độ, tình cảm, quan điểm của nhân dân đối với các nhân vật lịch sử trong quá khứ. Tùy theo nội dung câu chuyện kể mà truyền thuyết nhân vật lại được phân thành các tiểu loại: Truyền thuyết về các bậc tiền hiền, về nhân vật anh hùng chống xâm lược, về các danh nhân văn hóa, về các nhân vật tôn giáo, về các nhân vật làm tay sai cho giặc Pháp...

Trên cơ sở lí luận về vấn đề cốt truyện và các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết, chúng tôi khảo sát và nghiên cứu đặc điểm cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết về các nhân vật có công chống giặc ngoại xâm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

2. Khái niệm cốt truyện và các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết

2.1. Khái niệm cốt truyện

Khái niệm *Cốt truyện* trong cuốn *Oxford Advanced Learners Dictionary* đã được tác giả A.S. Hornby (2010: 1163) định nghĩa: “Cốt truyện là một loạt những sự

kiện góp phần hình thành câu chuyện của một tiểu thuyết hoặc một bộ phim”.

Ở Việt Nam, khái niệm *Cốt truyện* cũng đã được *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa: “Cốt truyện là hệ thống sự kiện làm nòng cốt cho sự diễn biến các mối quan hệ và sự phát triển của tính cách nhân vật trong tác phẩm văn học loại tự sự” (Hoàng Phê 1998: 233). Khái niệm *Cốt truyện* và vai trò của cốt truyện trong tác phẩm tự sự đã được minh định một cách cụ thể hơn trong *Từ điển thuật ngữ Văn học*: “Cốt truyện là hệ thống sự kiện cụ thể được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định tạo thành bộ phận cơ bản, quan trọng nhất của tác phẩm văn học thuộc loại tự sự” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi 1992: 70). Ở đây, các tác giả đã xem cốt truyện là “bộ phận cơ bản, quan trọng nhất” của một tác phẩm tự sự. Căn cứ vào khái niệm này thì việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện của một thể loại văn học cụ thể là nghiên cứu về đặc điểm nội dung tư tưởng, nghệ thuật của thể loại văn học ấy.

Cùng quan điểm đề cao vai trò của cốt truyện trong tác phẩm văn học thuộc loại tự sự, trong sách *Lí luận văn học*, các tác giả đã viết: “Trong phân tích tác phẩm, việc nhận định đúng thành phần cốt truyện có ý nghĩa then chốt để lý giải đúng đắn nội dung và tư tưởng tác phẩm” (Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam 2006: 304-305).

Từ những ý kiến nêu trên, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện của một tác phẩm tự sự có một ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần làm sáng rõ những đặc điểm nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của thể loại truyền thuyết dân gian.

2.2. Các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết

Ngoài việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện, việc nghiên cứu đặc điểm của thể loại truyền thuyết còn đòi hỏi người nghiên cứu phải xem xét đến việc tổ chức các yếu tố tự sự của thể loại ấy. Các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết bao gồm: Hệ thống nhân vật, các mô típ, các chi tiết, các sự kiện lịch sử và lời kể trong tác phẩm truyền thuyết.

Nhân vật trong thể loại truyền thuyết thường là những con người có thật ở ngoài đời. Hệ thống nhân vật này phong phú, đa dạng: Các bậc tiên hiền, anh hùng chống giặc ngoại xâm, danh nhân văn hóa, các nhân vật tôn giáo... Việc phân loại nhân vật phụ thuộc vào những tiêu chí khác nhau. Tuy nhiên, không phải bất cứ nhân vật lịch sử nào cũng trở thành nhân vật của truyền thuyết. Nhân vật của truyền thuyết phải là những nhân vật có những tác động, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, được nhân dân quan tâm và lưu truyền.

Các mô típ, các chi tiết, sự kiện lịch sử là những yếu tố không thể thiếu của tác phẩm tự sự dân gian. Đặc biệt, mô típ được xem là yếu tố đặc trưng của truyện kể dân gian: “*Mô típ* chỉ một thành tố nhỏ của truyện, thường có thể tách rời được, có thể lắp ghép được, ít nhiều khác lạ, bất thường, đặc biệt, là yếu tố đặc trưng của truyện kể dân gian” (Nguyễn Tấn Đắc 2001: 282).

Về vai trò, ý nghĩa của mô típ trong tác phẩm tự sự dân gian, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt đã khẳng định: “Trong mối quan hệ với cốt truyện, mô típ vừa là một bộ phận

quan trọng của cốt truyện - mang tính nội dung, nhưng lại là yếu tố tạo liên kết và được liên kết với nhau nên mang cả tính hình thức” (Nguyễn Thị Nguyệt 2010: 36 - 37) và “Mô típ là yếu tố ban đầu, yếu tố hạt nhân để tạo nên cốt truyện” (Nguyễn Thị Nguyệt 2010: 38).

Lời kể trong các tác phẩm truyền thuyết dân gian thường có đặc điểm “lời kể cô đọng, rất ít sự miêu tả, chủ yếu chỉ thuật lại hành động của nhân vật, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của truyện” (Lê Trường Phát 2000: 30).

Mặt khác, việc xác định đặc điểm truyền thuyết về các nhân vật có công chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL cũng cần phải nghiên cứu sự vận động, sự biến đổi của các yếu tố tự sự nói trên do những tác động của thời gian, của vùng miền văn hóa.

3. Cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết về các nhân vật có công đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Trong hệ thống thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL, truyền thuyết về các nhân vật có công đấu tranh chống giặc ngoại xâm (kí hiệu viết tắt: TL2B) chiếm số lượng nhiều nhất (86 truyện/210 truyện). Đây là đặc điểm mang nét tương đồng với đặc điểm về số lượng tác phẩm thuộc tiểu loại truyền thuyết anh hùng chống xâm lược trong kho tàng truyền thuyết của người Việt nói chung: “Tiểu loại truyền thuyết anh hùng chống xâm lược vẫn là biến thể nổi bật nhất và cũng chiếm số lượng nhiều nhất” (Nguyễn Thị Huế, Trần Thị An 1999: 37).

Ở ĐBSCL, lịch sử đấu tranh chống giặc Chân Lạp, giặc Miên, giặc Xiêm, giặc Pháp để bảo vệ quê hương là cơ sở lịch sử - xã hội quan trọng để hình thành nên những truyền thuyết dân gian về những người anh hùng chống giặc ngoại xâm như Nguyễn Thị Liễu, Đốc Vàng, Lê Văn Thụy, Trần Trung

Tiên, Nguyễn Hiền Điều, Nguyễn Trung Trực, Trương Định, Thiên Hộ Dương, Đốc Binh Kiều... Đó là những con người, những nhân vật lịch sử được nhân dân yêu mến, ca ngợi và tôn vinh.

Trong 86 truyền thuyết TL2B, có 49 truyện thuộc dạng kết cấu đơn, 37 truyền thuyết thuộc dạng kết cấu chuỗi. Trong 37 truyền thuyết thuộc dạng kết cấu chuỗi có 13 truyền thuyết kể về nhân vật Nguyễn Trung Trực, 11 truyền thuyết kể về nhân vật Thiên Hộ Dương, 08 truyền thuyết kể về nhân vật Trương Định, 03 truyền thuyết kể về nhân vật Đốc Binh Kiều, 02 truyền thuyết kể về nhân vật Nguyễn Hữu Huân. Trong 37 truyền thuyết này có nhiều truyện còn tồn tại ở dạng những mẩu chuyện, cốt truyện chỉ có một đến hai lớp truyện.

Trong 49 truyền thuyết thuộc dạng kết cấu đơn có 02 truyền thuyết *Chiến thuật ngư mã công của Trương Tuệ* và *Truyền*

thuyết Nguyễn Ngọc Thăng đánh giặc bằng trái mù u là tồn tại ở dạng mẩu chuyện, chưa có cấu tạo cốt truyện hoàn chỉnh gồm 03 lớp truyện phổ biến của thể loại truyền thuyết nói chung. Còn lại 47 truyền thuyết đều có cấu tạo gồm 3 lớp truyện:

Lớp truyện thứ nhất: Kể về nguồn gốc, đặc điểm của nhân vật chính.

Lớp truyện thứ hai: Kể về hành trạng và chiến công của nhân vật chính.

Lớp truyện thứ ba: Kể về đoạn kết của nhân vật chính.

Trong 37 truyền thuyết thuộc dạng kết cấu chuỗi, đa số các truyền thuyết đáp ứng đặc điểm cấu tạo gồm 3 lớp truyện như đã nêu trên. Chẳng hạn như với 13 truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực có 02 truyền thuyết kể về nguồn gốc đặc điểm của nhân vật, có 07 truyền thuyết kể về hành trạng, chiến công của nhân vật và 04 truyền thuyết kể về đoạn kết của nhân vật, cụ thể như sau:

Lớp truyện	Nội dung của lớp truyện	Tên truyện
I	Nguồn gốc, đặc điểm của nhân vật	1. Truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực 2. Sức khỏe và võ nghệ của ông Nguyễn
II	Hành trạng và chiến công của nhân vật	1. Tài trí của Nguyễn Trung Trực 2. Lòng hiếu thảo và khí phách lẫm liệt của Nguyễn Trung Trực 3. Nguyễn Trung Trực và trận đánh trên sông Nhựt Tảo 4. Ông Nguyễn diệt giặc ở Kiên Giang 5. Ông Soái nghi binh 6. Nguyễn Trung Trực cứu cô Ba Đò 7. Nguyễn Trung Trực và nỗi đau mất vợ, con
III	Đoạn kết của nhân vật	1. Ông Nguyễn trong giờ phút bị bao vây ở Phú Quốc 2. Ông Nguyễn 3. Nguyễn Trung Trực chịu thụ hình 4. Ông Soái phi ngựa trên biển giết giặc

Bảng 1. Truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực

Cốt truyện của TL2B đa số đều có cấu tạo gồm 03 lớp truyện với những nội dung cụ thể như sau :

Lớp truyện thứ nhất, kể về nguồn gốc và đặc điểm của nhân vật, tác giả dân gian đã xây dựng được hình tượng về người anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL có nguồn gốc xuất thân, thành phần dân tộc, thành phần giai cấp rất đa dạng: Có nhân vật xuất thân thuộc tầng lớp quan lại phong kiến (*Truyện thuyết Đốc Vàng, Truyện thuyết về Trần Trung Tiên, Truyện kể về ông Nguyễn Hiền Điều, Trương Định*), có nhân vật vốn là con của một gia đình buôn bán (*Hồn thiêng trịnh nữ Nguyễn Thị Liễu*). Tuy nhiên, đa số các nhân vật trong TL2B đều xuất thân từ gia đình nông dân (*Chương cơ Lê Văn Thuy đánh giặc Xiêm, Ngưu quân thượng tướng, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương...*).

Đặc điểm về nguồn gốc xuất thân, thành phần giai cấp của các nhân vật trong TL2B đã cho thấy tinh thần yêu nước và ý chí quyết tâm đánh giặc ngoại xâm của toàn thể nhân dân Việt Nam trong mọi thời kỳ. Vấn đề bảo vệ dân tộc, bảo vệ đất nước là vấn đề của tất cả mọi người, không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, thành phần dân tộc. Đây là một đặc điểm mang tính truyền thống của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa. Truyện thuyết dân gian ở các vùng miền khác nhau trong cả nước cũng đều chứa đựng đặc điểm này. Chẳng hạn như nhân vật Lý Tiến - người anh hùng chống giặc ngoại xâm đầu tiên của thủ đô Hà Nội. Theo truyện thuyết, Lý Tiến là con của một gia đình nông dân, làm nghề đánh cá ven sông Tô Lịch (*Truyện ông Lý Tiến*), là Thánh Gióng, con của một người mẹ nông dân (*Truyện Đổng Thiên Vương*), là vua An Dương Vương (*Truyện Rùa vàng*), là Trưng Trắc, Trưng Nhị - con quan Lạc tướng họ Hùng (*Trung Vương*).

Khảo sát lớp truyện thứ nhất của 86 truyện thuyết TL2B, chúng tôi nhận thấy không có sự xuất hiện của mô típ sự thụ thai và sinh nở thần kỳ như một số truyện thuyết nhân vật anh hùng chống ngoại xâm ở một số tỉnh thuộc vùng Bắc Bộ. Chẳng hạn như truyện thuyết *Sự tích Trần Hưng Đạo* (Tỉnh Hà Đông): “Khi sắp sinh Ngài, đức thân mẫu sinh ra Ngài nằm mộng thấy đám mây ngũ sắc từ giời mà xuống, đến trước mặt hoá thành đường người đi, ở trong đường mây ấy lại thấy hai đồng tử, một người mặc áo xanh, một người mặc áo đỏ. Người mặc áo đỏ trở về thảng vào bụng đức từ mẫu. Đến năm Ất Mão, tháng 3 ngày 10, giờ Thìn, sinh ra đức thánh” (Kiều Thu Hoạch 2004b: 29).

Mô típ sự thụ thai hoặc sinh nở thần kỳ xuất hiện trong các truyện thuyết ở một số tỉnh thuộc vùng Bắc Bộ có tác dụng góp phần thiêng hoá nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm. Thông qua mô típ này, tác giả dân gian dường như muốn báo trước về những tài năng và chiến công phi thường của những nhân vật này sẽ xuất hiện ở các lớp truyện tiếp theo của câu chuyện kể.

Khảo sát một số truyện thuyết ở các tỉnh thuộc vùng Nam Trung Bộ, chúng tôi cũng thấy xuất hiện mô típ này, chẳng hạn như *Truyện thuyết Vua Nam Chiếu trên bờ sông Trà Khúc*: “Tương truyền Vua Nam Chiếu xuất thân từ một gia đình nghèo khó trên bờ sông Trà Khúc, dưới chân núi Long Đầu. Bà mẹ là Thiệu Khôi, một buổi trưa hè đi gánh nước, gặp khi trời nóng bức, cô xuống sông tắm bỗng không may, gặp con rái cá lớn đuổi theo kịp, bà bị hãm hiếp ngay trên bờ. Nàng Thiệu Khôi có mang. Đến kỳ sinh nở, nàng cho chào đời một đứa bé kháu khỉnh, mắt giống mẹ, thân hình giống cha. Cậu bé được đặt tên là Chiếu”.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy mô típ sự thụ thai và sinh nở thần kỳ xuất hiện một

cách thừa thốt trong truyền thuyết nhân vật ở vùng Nam Trung bộ và khi đến với vùng đất Nam bộ mà cụ thể là vùng ĐBSCL thì mô típ sự thụ thai và sinh nở thần kỳ này không còn thấy xuất hiện trong bất cứ một truyền thuyết nhân vật anh hùng chống ngoại xâm nào. Đây là một đặc điểm mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL so với một số truyền thuyết nhân vật ở các vùng miền khác trong cả nước như vùng Bắc Bộ, vùng Nam Trung Bộ.

Ở *lớp truyện thứ hai* của các truyền thuyết TL2B, tác giả dân gian thường kể về tài năng và chiến công của nhân vật. Đây cũng là nội dung cơ bản trong các truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm của người Việt nói chung. “Không có truyền thuyết nào không miêu tả chiến công phi thường của người anh hùng và những mô típ khác nếu có thì cũng đóng vai trò là sự chuẩn bị (mô típ sinh nở thần kỳ) hoặc nhấn mạnh (hiển linh âm phù) cho mô típ này mà thôi. Như vậy, chiến công phi thường là mô típ trung tâm của tiểu loại truyền thuyết anh hùng chống ngoại xâm, bởi miêu tả chiến công của người anh hùng là lí do tồn tại của truyền thuyết dân gian” (Kiều Thu Hoạch 2006: 158).

Lớp truyện thứ hai của truyền thuyết TL2B tập trung kể về tài năng, sức mạnh phi thường của nhân vật: Nhân vật Nguyễn Trung Trực có tài phi thân qua sông rạch, có tài múa roi, có tài bơi lặn như rái cá, 18 môn võ nghệ đều tinh thông, có sức mạnh phi thường: “Tương truyền, dù bị hàng trăm người bao vây. Ngài muốn thoát ra chừng nào cũng được. Với một thanh đao, Ngài có thể phóng qua mái nhà, phóng qua con rạch” (*Chuyện anh hùng Nguyễn Trung Trực*). Là Thiên Hộ Dương nổi tiếng với đường roi song đôi, có tài phi thân (*Thiên Hộ Dương thuở nhỏ*, *Thiên Hộ Dương đấu gươm với Đô Đốc Bạc Má*).

Qua việc kể lại tài năng và những chiến công phi thường của người anh hùng, tác giả dân gian đã thể hiện tấm lòng kính yêu, ngưỡng mộ của mình đối với người anh hùng. Tài năng và chiến công của họ luôn luôn được gắn liền với công cuộc chống giặc ngoại xâm ở mọi thời kỳ của dân tộc. Đặc điểm nội dung này là một đặc điểm mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian Việt Nam nói chung.

Ở những truyền thuyết về Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, tác giả dân gian đều chú ý đến việc ca ngợi tài năng, chiến công của nhân vật anh hùng. Trong các chiến công của họ luôn có sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, sự giúp sức của các nhân vật thần kỳ, đồ vật thần kỳ: Lê Lợi được gươm báu, Nguyễn Huệ được rắn thần giúp đỡ.

Tương tự, trong truyền thuyết *Thiên Hộ Dương với đao binh rắn* cũng có xuất hiện mô típ con vật thần kỳ giúp người anh hùng. Đó là chi tiết rắn thần dập lửa: “Trong khói lửa mịt mù, bỗng có tiếng ào ào như giông bão nổi lên: một con rắn hồ mây mình to như miệng thúng, há họng, đập đuôi, nhe răng phóng tới, lăn vào dập lửa, quân giặc hốt hoảng bỏ chạy. Thừa cơ, nghĩa quân mai phục sẵn, bất ngờ kéo đến tấn công... quân giặc bị giết và bị bắt gần hết”.

Tuy nhiên, trong truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL, mô típ con vật thần kỳ, đồ vật thần kỳ trợ giúp người anh hùng xuất hiện không nhiều, thậm chí là rất hiếm gặp so với các truyền thuyết dân gian cùng loại ở vùng đồng bằng Bắc Bộ hoặc ở vùng Nam Trung Bộ. Khảo sát 86 truyền thuyết dân gian về người anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL thì chỉ có 01 truyền thuyết duy nhất là *Thiên Hộ Dương và đao binh rắn* là có xuất hiện mô típ con vật thần kỳ trợ giúp người anh hùng, còn

lại 85 truyền thuyết kể về tài năng, chiến công của nhân vật đều không thấy có xuất hiện yếu tố thần kỳ hoặc con vật thần kỳ trợ giúp người anh hùng.

Trong một số truyền thuyết vùng Bắc Bộ, chúng tôi nhận thấy chiến công trong các truyền thuyết về An Dương Vương, Nàng Trí Cao, Lê Lợi... thường có sự trợ giúp bởi các vật thiêng. Nhận xét về chiến công phi thường của nhân vật anh hùng trong thể loại truyền thuyết dân gian ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ, tác giả Kiều Thu Hoạch khẳng định: “Một nhóm nhân vật khác của truyền thuyết lập chiến công nhờ sự phù trợ của các vật thiêng: An Dương Vương có nỏ thần, Nàng Trí Cao, người anh hùng đánh Tống thế kỷ XI được ban ngựa thần, sách thiên thư, cây trúc trăm đốt, Lê Lợi có gươm thần, một vị tướng đời Trần cũng được trao gươm báu” (Kiều Thu Hoạch 2006: 159).

Khảo sát hệ thống truyền thuyết nhân vật của người Việt ở vùng Nam Trung Bộ, chúng tôi cũng thấy chiến công phi thường của nhân vật được trợ giúp bởi các vật thiêng. Đó là truyền thuyết *Ấn Vàng, Kiếm Bạc* kể về việc Nguyễn Huệ được thanh gươm quý, được một cái ấn lớn bằng vàng. Nhờ có ấn vàng, kiếm bạc này mà Nguyễn Huệ đã dựng cờ nghĩa và xây nghiệp lớn. Tương tự, truyền thuyết *Thanh gươm kỳ lạ* kể về mô típ chiến công của Nguyễn Nhạc cũng là nhờ sự trợ giúp của thanh gươm quý: “Nguyễn Nhạc sai nghĩa quân rút thanh gươm lạ đó, nhưng không một ai rút nổi. Ông vội bước tới, đặt tay vào thanh gươm nhích nhẹ một cái lấy ra thật dễ dàng” (Kiều Thu Hoạch 2004b: 403).

Trong khi đó, những chiến công của các nhân vật anh hùng trong truyền thuyết TL2B ở vùng ĐBSCL được tạo nên chủ yếu do nhân vật có sức khỏe phi thường hoặc do mưu trí, các nhân vật biết phát huy lối

đánh dân gian, lối đánh bí mật, bất ngờ và ít bị tiêu hao lực lượng như bắt ong, bắt rắn thả vào một chỗ, khi giặc vào thì thả ong, rắn ra, gặp hơi người chúng đuổi theo đốt, cắn; hay là dùng cầu khi (cầu được làm bằng 1 hoặc 2 thân cây tre hoặc cây tràm ghép lại) bắc ngang qua kênh rạch, được cưa đi một phần để làm sao cầu khi chỉ còn chịu nổi sức nặng của một người đi qua. Khi giặc đi qua cầu một lúc nhiều tên, cầu gãy, chúng rơi xuống rạch đã được cắm sẵn đầy chông, nghĩa quân phục kích trên bờ bắn xuống. Hay là việc lợi dụng địa hình của vùng đồng bằng Nam Bộ có các lung vẫn còn chứa nước khá sâu nhưng trên mặt cỏ mọc một lớp dày, nghĩa quân bố trí nghi binh, như giặc đi vào địa hình nguy hiểm ấy để tiêu diệt chúng. Vì nếu chúng sa vào địa hình này thì càng cố ngoi lên càng lún sâu hơn (*Truyền thuyết về Đốc Binh Kiều, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương...*). Mô típ chiến công phi thường được tạo nên bởi những cách đánh giặc in đậm phong cách dân gian ấy là những chiến công mang nét đặc trưng riêng có ở vùng ĐBSCL này. Chính nét đặc trưng này đã giúp cho hệ thống truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL có sức hấp dẫn đối với công chúng ở nhiều thế hệ.

Khảo sát *lớp truyện thứ ba*, lớp truyện kể về đoạn kết của các nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm, chúng tôi nhận thấy có 14/86 truyền thuyết TL2B có mô típ hoá thân, mô típ nhân vật hiển linh, âm phù, 72 truyền thuyết còn lại kể về cái chết của các nhân vật thường tuân thủ theo đúng thực tế, nếu có thay đổi thì cũng không đáng kể.

Chẳng hạn như ở lớp truyện thứ ba trong chuỗi truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực, khi kể về chi tiết Nguyễn Trung Trực bị hành hình, truyền thuyết dân gian có nhiều dị bản khác nhau, chúng tôi giới thiệu 02 dị bản sưu tầm được:

- Thế rồi lưỡi dao đao phủ chém xuống, nhưng ông không để đầu rơi xuống đất, hai tay của ông nâng lấy đầu mình. Đôi mắt của ông trợn ngược, trông mắt đảo qua đảo lại, chiếu thẳng vào tên đao phủ. Hấn hốt hoảng, rú lên thất thanh và hộc máu chết ngay tại chỗ (*Truyện thuyết Nguyễn Trung Trực chịu thụ hình*).

- Dân chúng chưa kịp nghe hồi chuông báo hiệu thứ ba phát lên thì tên đội Phấn đã múa tít đao, chém phập vào cổ người anh hùng nghĩa dân... Nhưng mọi người bỗng chột nhìn lên, ai cũng phải lạ lùng - kể cả bọn lính Pháp - rằng thủ cấp Ông Nguyễn đang khi lia khỏi cổ đã không rụng xuống đất mà lại rơi vào hai bàn tay của cái xác không đầu. Thủ cấp lại trừng trừng giương đôi mắt sáng long lanh về phía giặc, trong khi từng tia máu hồng vẫn tuôn ra xối xả (*Truyện thuyết Lòng hiếu thảo và khí phách liêm liệt của Nguyễn Trung Trực*).

Khảo sát 02 dị bản trên, chúng tôi nhận thấy tuy 02 dị bản có khác nhau về lời kể và một vài chi tiết nhỏ nhưng 02 dị bản này đều có hai điểm chung cơ bản sau: Thứ nhất, tác giả dân gian đã huyền thoại hoá nhân vật anh hùng Nguyễn Trung Trực: Trước cái chết Nguyễn Trung Trực dũng cảm, bình tĩnh, tự tin (Ông không để đầu rơi xuống đất, hai tay vẫn chủ động nâng hoặc giữ lấy đầu của mình), ngay cả khi Ông Nguyễn đã chết rồi nhưng ông vẫn đủ sức mạnh để uy hiếp hoặc tiêu diệt quân thù (mắt ông chiếu thẳng vào quân giặc khiến cho chúng hộc máu chết tại chỗ). Thứ hai, khi kể về cái chết của Nguyễn Trung Trực đậm màu huyền thoại như vậy, các văn bản truyền thuyết dân gian nêu trên đều đã thể hiện tấm lòng yêu mến, sự ngưỡng mộ của nhân dân đối với người anh hùng. Chính tấm lòng và tình cảm ấy của nhân dân đã xây dựng nên hình tượng người anh hùng Nguyễn Trung Trực trở thành một vị thần ngay lúc hy sinh.

Sau đó, theo lời kể dân gian, giặc Pháp kinh hoàng, vội vã đem chôn ông Nguyễn đầu một nơi, thân một nơi, dấu không cho ai biết. Nhân dân yêu mến, cảm phục Nguyễn Trung Trực đã đi tìm xác ông và đưa về thờ tại đình Cá Ông, đó là một ngôi đình khang trang ở Rạch Giá. Đối với ngư dân, cá Ông là vị thần của biển cả rất linh thiêng. Khi nhân dân rước ông Nguyễn về thờ tại đình Cá Ông cho đến ngày nay thì điều đó có nghĩa là hình tượng Nguyễn Trung Trực có sức sống mãnh liệt trong lòng nhân dân như một vị thần biển cả.

Mô típ nhân vật bị giặc chém đầu là mô típ phổ biến trong truyền thuyết nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL. Theo thống kê, có 17/86 truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống ngoại xâm có mô típ nhân vật hy sinh do bị giặc chém đầu. Chẳng hạn như kể về cái chết của Tứ Kiệt ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: “Tên Lộc nhân danh đại diện chính phủ Pháp đem vinh hoa phú quý ra dụ dỗ suốt 45 ngày không thành. Bọn giặc Pháp phải đem bốn ông ra chợ chặt và bêu đầu ngày 14/2/1871 nhằm ngày 25 tháng 12 năm Canh Ngọ. Thân nhân gia đình chỉ được mang thân mình các ông về quê nhà, gán chiếc đầu giả làm bằng đất sét vào rồi chôn cất. Còn bốn cái đầu của Tứ Kiệt thì bảy ngày sau đó chúng đem vùi dập ở mé rạch sau chợ” (*Cuộc khởi nghĩa của Tứ Kiệt*).

Những truyền thuyết kể về người anh hùng hy sinh do bị giặc chém đầu vừa mang tính bi tráng, vừa mang đậm tính anh hùng ca bởi tác giả dân gian đã huyền thoại hóa, kỳ ảo hóa cái chết của người anh hùng như sự hi sinh liêm liệt của Nguyễn Trung Trực, của Tứ Kiệt, của Thống Linh. Việc huyền thoại hóa, kỳ ảo cái chết của các nhân vật anh hùng có công chống giặc ngoại xâm của tác giả dân gian không ngoài mục đích ca ngợi, tôn vinh và thiêng hóa cái chết của người anh hùng.

Tuy nhiên, những truyền thuyết có xu hướng li kỳ, huyền ảo hóa cái chết của nhân vật khi bị giặc chém đầu như vậy không nhiều. Chỉ có 5/86 truyền thuyết nhân vật anh hùng chống ngoại xâm bị giặc chém đầu có nội dung như vậy (*Chuyện anh hùng Nguyễn Trung Trực, Ông Nguyễn, Lòng hiếu thảo và khí phách lẫm liệt của Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Trung Trực chịu thụ hình, Thống Linh*).

Cũng ở lớp truyện thứ ba của TL2B, có 11/86 truyền thuyết mà trong đó tác giả dân gian kể về sự hiển linh, âm phù của các nhân vật anh hùng. Đó là các truyền thuyết: *Hồn thiêng trình nữ Nguyễn Thị Liễu, Trần Trung Tiên đánh giặc Miên, Lai lịch ngày giỗ Thiên Hộ Dương, Thủ Khoa Huân thành thần, Phó tướng Nguyễn Nhựt Chi, Nguyễn Văn Kiểng, Tứ Kiệt, Ông Soái phi ngựa biển giết Tây...*

Chẳng hạn như truyền thuyết *Ông Soái phi ngựa biển giết Tây*: “Vào lúc nửa đêm, khi vàng trăng lười liềm vừa gác lên đầu Hòn Tre... bỗng đâu có một luồng gió mạnh làm lay động cả những cây sao cổ thụ trước sân đồn giặc. Được một lúc, có bóng người ngựa phi ra biển phía Hòn Tre. Bọn lính xua lính đuổi theo ra biển đưa súng ngắm tiếp tục bắn. Nhưng lạ thay, đầu đạn vừa ra khỏi nòng súng bỗng quay ngược đầu trở lại ghim vào mặt, vào ngực của chúng làm hàng loạt tên chết tại chỗ. Bọn Pháp thấy vậy liền ra lệnh ngừng bắn. Từ đó về sau bọn Tây đồn Kiên Giang rất sợ oai linh của Nguyễn Trung Trực”.

Trong những truyền thuyết vừa kể trên, mô típ hiển linh đã khẳng định sức mạnh thần kỳ của các nhân vật anh hùng có công chống giặc ngoại xâm - ngay cả khi họ đã chết: “Hồn thiêng hiển linh báo tin cho quan trấn ở Châu Đốc biết tin nơi đóng quân của quân Chân Lạp. Quân ta được một con bướm trắng đi trước dẫn đường, đến

nơi quân Chân Lạp đóng quân, bao vây và tấn công, quân ta toàn thắng” (*Hồn thiêng trình nữ Nguyễn Thị Liễu*).

Khảo sát hệ thống truyền thuyết nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL chúng tôi nhận thấy mô típ hiển linh có một số dạng thức biểu hiện như sau:

Thứ nhất: Nhân vật hiển linh và cùng nhân dân tiếp tục sự nghiệp đấu tranh chống giặc ngoại xâm (*Hồn thiêng trình nữ Nguyễn Thị Liễu, Truyền thuyết về Quan bố chánh Trần Trung Tiên, Truyền thuyết về Đốc Binh Kiểng, Nguyễn Văn Kiểng, Tiền quân Nguyễn Huỳnh Đức trị tội Trần Bá Lộc, Tứ Kiệt*).

Thứ hai: Nhân vật hiển linh dẫn dắt nhân dân về ngày giỗ và việc cúng giỗ (*Lai lịch ngày giỗ ông Thiên Hộ Dương, Truyền thuyết về Phó tướng Nguyễn Nhựt Chi*).

Thứ ba: Nhân vật hiển linh trừng trị kẻ nào dám xúc phạm hoặc làm dơ ngôi mộ - nơi yên nghỉ của người anh hùng (*Truyền thuyết về Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn, Dù thác nhưng chí thù chưa nguôi*).

Nhìn chung, mô típ hiển linh xuất hiện trong phần kết của các tác phẩm truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL đã làm nổi bật quan niệm của tác giả dân gian về chất thiêng của người anh hùng. Với nhân dân thì người anh hùng “Chết tức là mở ra một đời sống mới với cấp độ tinh thần cao hơn, người anh hùng được xây dựng để vượt qua sự hữu hạn của một cá nhân, trở thành bất tử” (Trần Thị An 2000: 93).

So sánh với một số truyền thuyết nhân vật ở vùng Bắc Bộ và Nam Trung Bộ chúng tôi nhận thấy mô típ hiển linh trong truyền thuyết nhân vật vùng ĐBSCL có điểm tương đồng. Chẳng hạn như truyền thuyết *Hai Bà Trưng* cũng kể về việc Hai Bà sau khi chết đi đã hiển linh âm phù, giúp vua Lý Anh Tông thay trời làm mưa ngay khi trời đang hạn hán (*Truyện Trưng Vương*).

Ở đây, mô típ hiển linh với dạng thức biểu hiện mang tính phổ biến đó là nhân vật khi còn sống là những con người yêu nước, có tinh thần anh dũng chống giặc ngoại xâm, khi chết đi, họ vẫn hiển linh, âm phù, trợ giúp nhà vua, trợ giúp nhân dân đánh giặc, cứu nước, giúp dân vượt qua những khó khăn, thử thách.

Tuy nhiên, khảo sát một số truyền thuyết dân gian vùng Bắc Bộ và Nam Trung Bộ, chúng tôi nhận thấy dạng thức thứ hai của mô típ hiển linh (nhân vật hiển linh dẫn dò nhân dân về ngày giỗ và việc cúng giỗ) và dạng thức thứ ba của mô típ này (nhân vật hiển linh trừng trị những kẻ nào dám xúc phạm và làm dơ ngôi mộ) không thấy xuất hiện. Hai dạng thức này có thể được xem như là những biến thể của mô típ hiển linh trong các tác phẩm truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL.

Mô típ hiển linh đã góp phần khẳng định sức sống mãnh liệt của các nhân vật anh hùng chống ngoại xâm trong đời sống tình cảm, tinh thần của các cư dân vùng ĐBSCL. Với mô típ này, thái độ của tác giả dân gian đối với các nhân vật lịch sử được thể hiện rõ. Đó là nhân dân còn muốn chữa lại kết cục bi thảm của thực tế lịch sử, muốn giảm đi tính chất bi thương của các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm không có được kết thúc thắng lợi vẻ vang như một số truyền thuyết nhân vật anh hùng ở các giai đoạn trước ở một số tỉnh thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Với những truyền thuyết dân gian có kể về mô típ nhân vật hiển linh âm phù như chúng tôi vừa nêu trên, tác giả dân gian đã thiêng hóa, bất tử hóa người anh hùng, bày tỏ tấm lòng yêu mến, ngưỡng mộ của mình đối với các nhân vật anh hùng. Xu hướng bất tử hoá nhân vật anh hùng là một xu hướng mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết nói chung. Truyền thuyết về

nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL cũng không nằm ngoài quy luật ấy.

Sau đây là mô hình thứ nhất về cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết nhân vật TL2B (truyền thuyết nhân vật TL2B có mô típ nhân vật hiển linh, âm phù):

Mô hình 1: Nguồn gốc, đặc điểm nhân vật → tài năng, chiến công của nhân vật → nhân vật hi sinh → hiển linh, âm phù → được nhân dân thờ cúng.

Tuy nhiên, đa số truyền thuyết dân gian thuộc TL2B đều kể về đoạn kết của các nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm theo đúng thực tế, không có xu hướng huyền ảo hoá nhân vật, không có sự xuất hiện của mô típ hiển linh, âm phù trong cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết (75/86 truyện). Chẳng hạn như truyền thuyết *Đốc Vàng*: “Buồn cho vận nước suy, nghĩ mình không làm tròn nhiệm vụ, ông đã rút gươm tự sát.

Mặt khác, khảo sát lớp truyện thứ ba của truyền thuyết nhân vật TL2B chúng tôi nhận thấy mô típ hóa thân không xuất hiện trong phần kết của các tác phẩm truyền thuyết nhân vật TL2B ở vùng ĐBSCL. Đây là một điểm khác biệt rất rõ so với một số truyền thuyết dân gian ở vùng Bắc Bộ. Trong các tác phẩm truyền thuyết nhân vật chống giặc ngoại xâm ở vùng Bắc Bộ thời trước, chúng ta dễ dàng nhận thấy mô típ hóa thân xuất hiện khá phổ biến. Đó là hình ảnh “Giống quay nhìn bốn hướng, nhìn lại quê hương Kê Đồng - nơi bà mẹ đang sống lần cuối cùng, sau đó, cả người lẫn ngựa cùng bay thẳng lên trời xanh” (Kiều Thu Hoạch 2004a: 326) hay là “Vua cầm sừng tê bảy tấc, rửa vàng rẽ nước dẫn vua đi xuống bể” (Kiều Thu Hoạch 2004a: 379).

Tuy nhiên, nếu so sánh với một số truyền thuyết nhân vật anh hùng chống ngoại xâm ở một số tỉnh vùng Nam Trung

Bộ thì việc kể về cái chết của các nhân vật anh hùng trong truyền thuyết vùng ĐBSCL có điểm tương đồng. Điểm tương đồng được thể hiện rõ nhất là đa số cái chết của các nhân vật như ông Cừ Thê, Võ Trứ, Bá Hộ Huệ trong các truyền thuyết ở vùng Nam Trung Bộ đã được các tác giả dân gian kể đúng như thực tế, không lí tưởng hóa, không huyền ảo hóa. Chẳng hạn như dân gian kể về cái chết của nhân vật Võ Trứ: “Trong một trận đánh, nghĩa quân bị thất bại, Võ Trứ và 10 cộng sự của ông đều bị bắt. Chúng cắt đầu 11 người, bỏ chung vào một rọ treo ở đầu Tam Giang để uy hiếp tinh thần kháng Pháp của nhân dân” (Nguyễn Định 2010: 62).

Như vậy, nếu so sánh với việc kể lại cái chết của các nhân vật anh hùng trong các truyền thuyết ở vùng Bắc Bộ thì trong truyền thuyết nhân vật TL2B ở vùng ĐBSCL không có mô típ hóa thân, yếu tố huyền ảo hóa, thần kỳ hóa cái chết của người anh hùng cũng có xuất hiện nhưng không phổ biến. Việc kể lại cái chết của các nhân vật anh hùng chống ngoại xâm chủ yếu được kể lại theo đúng thực tế. Vì vậy mà phần kết của mỗi truyền thuyết nhân vật vùng ĐBSCL mang đậm tính hiện thực hơn. Đây cũng là điểm tương đồng giữa truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL và truyền thuyết dân gian ở vùng Nam Trung Bộ khi kể về sự hi sinh của các nhân vật anh hùng.

Đặc điểm nội dung mang đậm tính hiện thực trong hệ thống truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL được tạo nên bởi đặc điểm lịch sử, xã hội của vùng Nam Bộ nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng trong giai đoạn lịch sử từ cuối thế kỷ XVIII đến những năm đầu thế kỷ XX. Đặc biệt là thời kỳ Pháp chiếm Nam Bộ, đây là một thời kỳ khổ cực nhưng vĩ đại của cả dân tộc. Khi triều đình nhà Nguyễn đã buông ngọn cờ lãnh đạo nhân dân chống giặc ngoại xâm, Pháp lần lượt

chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Bộ (1862) và miền Tây Nam Bộ (1867), nhân dân Nam Bộ đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống giặc ngoại xâm với những tên tuổi mãi mãi đi vào trang sử vẻ vang của dân tộc như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, Đốc Bình Kiều... Thực tế lịch sử cũng đã cho thấy, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Bộ đã thất bại, nhiều nghĩa binh yêu nước đã bị kẻ thù tra tấn, hành quyết thảm khốc, nhiều dũng tướng tử trận trong cuộc chiến không cân sức này. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội ấy là cơ sở hình thành những truyền thuyết về người anh hùng in đậm tính hiện thực lịch sử trong hệ thống truyền thuyết nhân vật vùng ĐBSCL.

Mặc dù đa số truyền thuyết nhân vật ở vùng ĐBSCL được kể sát với thực tế, không được chấp thêm đôi cánh “thơ và mộng” trong quá trình kể về cái chết của các nhân vật anh hùng nhưng những cái chết của các nhân vật anh hùng trong các tác phẩm truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL vẫn luôn là những cái chết đẹp, cái chết có ý nghĩa: Người anh hùng ra đi vì cộng đồng, vì đất nước, dân tộc, họ chết là để gieo sự sống và vì thế tên tuổi của họ mãi mãi được lưu truyền trong “bia miệng” của quần chúng nhân dân. Sự hy sinh của họ vẫn mãi được thể hệ sau ghi nhớ, ca ngợi, tôn vinh và lưu truyền.

Sau đây là mô hình thứ hai về cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết nhân vật TL2B (truyền thuyết nhân vật không có mô típ nhân vật hiền linh, âm phù):

Mô hình 2: Nguồn gốc, đặc điểm nhân vật → tài năng, chiến công của nhân vật → nhân vật hy sinh → được nhân dân lưu truyền và thờ cúng.

Khảo sát truyền thuyết nhân vật TL2B, chúng tôi nhận thấy: Đa số truyền

thuyết nhân vật TL2B có cấu tạo cốt truyện tương đồng với cốt truyện trong các truyền thuyết dân gian truyền thống, cốt truyện thường có cấu tạo gồm 3 lớp truyện cơ bản như đã nêu ở trên.

Trong các tác phẩm, nhân dân ca ngợi tài năng, chiến công của những con người đã đóng góp, đã hy sinh cho mảnh đất này, song nhân dân cũng không hề né tránh nói lên những mất mát, đau thương của nhân dân trong cuộc kháng chiến “khổ nhục nhưng vĩ đại” này. Truyền thuyết ở vùng ĐBSCL đã phản ánh chân thực nỗi gian lao, nỗi bi hùng của hiện thực ấy. Đây là một đặc điểm mang tính đặc trưng của truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL mà chúng tôi đã khái quát được dựa trên việc khảo sát lớp truyện thứ ba của các truyền thuyết nhân vật anh hùng chống xâm lược ở vùng ĐBSCL.

Ở đây, chúng tôi muốn bổ sung thêm một đặc điểm nội dung tư tưởng của truyền thuyết dân gian người Việt, đó là: *Truyền thuyết dân gian là khúc ca bi tráng của nhân dân trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược*. Đây là một đặc điểm nội dung tư tưởng của thể loại truyền thuyết mà các nhà nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến. Trong quá trình nghiên cứu các tài liệu liên quan, chúng tôi nhận thấy trong cuốn *Tổng tập Văn học Dân gian người Việt* (2004, tập 4), các tác giả đã khái quát được ba đặc điểm tư tưởng thẩm mỹ cơ bản của thể loại truyền thuyết dân gian người Việt: *Thứ nhất*, ý chí quyết chiến quyết thắng và tinh thần quật cường dân tộc mạnh mẽ của nhân dân ta mà tiêu biểu là các anh hùng chống ngoại xâm. *Thứ hai*, tinh thần đoàn kết chiến đấu mà biểu hiện cụ thể là chủ nghĩa anh hùng tập thể và truyền thống toàn dân đánh giặc. *Thứ ba*, sức mạnh của truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam là một sức mạnh thần

kỳ, bất khả xâm phạm, đã đập tan mọi âm mưu thâm độc và tham vọng điên cuồng của bọn xâm lược ngoại bang (Kiều Thu Hoạch 2004a: 50-75). Nhìn chung, ba đặc điểm trên là phù hợp với đa số các truyền thuyết về thời Hùng Vương, thời Bắc thuộc, thời Ngô, Đinh, Tiền Lê... ở các tỉnh thuộc vùng Bắc Bộ. Đó là những truyền thuyết về Thánh Gióng, về Bà Trưng, Bà Triệu, về Lê Lợi, Quang Trung. Đó là những truyền thuyết kể về cuộc chiến đấu và chiến thắng của các anh hùng dân tộc mang đậm âm hưởng anh hùng ca của tập thể quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, đối với hệ thống truyền thuyết dân gian của các tỉnh Nam Bộ, mà đặc biệt là hệ thống truyền thuyết dân gian các tỉnh vùng ĐBSCL có liên quan đến cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc giai đoạn cuối thế kỷ XIX thì ba đặc điểm nội dung tư tưởng vừa nêu trên lại chưa thật đầy đủ, bởi lẽ truyền thuyết dân gian của người Việt không chỉ là bài ca hào hùng về sức mạnh thần kỳ của dân tộc, sức mạnh ấy có khả năng đập tan mọi âm mưu thâm độc và tham vọng điên cuồng của bọn xâm lược ngoại bang mà truyền thuyết dân gian của người Việt còn là khúc ca bi tráng của nhân dân về những mất mát, đau thương của các nhân vật anh hùng đã vì cộng đồng mà chiến đấu, hy sinh. Vì vậy mà chúng tôi thiết nghĩ nội dung của vấn đề “*Đặc điểm tư tưởng thẩm mỹ của thể loại truyền thuyết người Việt*” trong cuốn sách trên vẫn còn có điểm cần phải bổ sung thêm.

Thật vậy, khảo sát và phân tích các truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL, chúng tôi nhận thấy không phải bao giờ sức mạnh truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam cũng có thể đập tan mọi âm mưu thâm độc và tham vọng điên cuồng của kẻ thù xâm lược. Hàng loạt các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của các nghĩa sĩ nông dân Nam

Bộ giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX bị thất bại, các nghĩa sĩ nông dân bị tra tấn và bị hành quyết một cách dã man được dân gian lưu lại bằng những truyền thuyết dân gian chứa đựng trong đó biết bao đau thương, mất mát như chúng tôi vừa nêu ở trên đã chứng minh điều đó.

4. Kết luận

Hệ thống truyền thuyết nhân vật vùng ĐBSCL có một tiểu loại truyền thuyết về các nhân vật anh hùng chống giặc Pháp xâm lược, tiểu loại này được xem như là một nội dung mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL.

Cảm hứng chủ đạo trong tiểu loại truyền thuyết về các nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm vùng ĐBSCL là ca ngợi và tôn vinh những giá trị của cộng đồng trong lịch sử: Ca ngợi và tôn vinh nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm. Thực tế khảo sát tiểu loại truyền thuyết TL2B đã cho thấy nội dung của các truyền thuyết dân gian ở vùng đất mới phía Tây Nam của Tổ quốc này chứa đựng trong nó không chỉ là khúc khải hoàn ca về những chiến công phi thường của các nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm mà còn là khúc ca bi tráng về những đau thương, mất mát của nhân dân trong lịch sử chống giặc Pháp giai đoạn từ 1858 - 1945. Nội dung này tạo cho truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL một màu sắc riêng, khó lẫn với truyền thuyết dân gian ở các vùng miền khác trong cả nước.

Truyền thuyết TL2B tồn tại với nhiều dạng cấu tạo cốt truyện khác nhau. Tồn tại ở dạng kết cấu chuỗi, kết cấu đơn và tồn tại ở cấp độ chi tiết (mẫu chuyện). Trong cốt truyện của các tác phẩm truyền thuyết TL2B không thấy có sự xuất hiện của mô típ nhân vật “sinh nở thần kỳ”. Kể cả mô típ nhân vật “hiển linh”, mô típ hóa thân cũng chỉ xuất hiện một cách thưa thớt trong tiểu loại truyền thuyết này. Nhìn chung, các yếu tố

thần kỳ ít tham gia vào cốt truyện. Trong khi đó, mô típ sự thụ thai và sinh nở thần kỳ, mô típ hiển linh, mô típ hóa thân được xuất hiện khá phổ biến trong các truyền thuyết ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đây là đặc điểm mang tính đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL so với các truyền thuyết dân gian ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Trong tiểu loại truyền thuyết nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL, chiến công của nhân vật anh hùng chủ yếu là do họ tự rèn luyện hoặc do sức khỏe phi thường tạo nên. Các nhân vật không có sự phò trợ bởi các yếu tố thần kỳ như trong một số truyền thuyết ở vùng Bắc Bộ. Có thể nói, truyền thuyết của người Việt đã có nhiều biến đổi khi được sáng tác và lưu truyền ở vùng ĐBSCL. Đặc điểm này tất yếu sẽ có những tác động nhất định đến những đặc điểm mang tính đặc trưng của các thể loại văn học nói chung, truyền thuyết nói riêng. Đúng như nhận định của tác giả Nguyễn Phương Thảo: “Truyện dân gian Nam Bộ của người Việt sẽ có đặc trưng ít tinh tiết, nhiều truyện chưa ổn định, nói cách khác là sự bồi tụ, lắng đọng các lớp văn hóa trong một tác phẩm truyện dân gian không nhiều. Đặc trưng này không chỉ diễn ra ở một khu vực nào của truyện dân gian mà diễn ra ở cả hai cấp độ: thể loại và tác phẩm” (Nguyễn Phương Thảo 1994: 85-86). Chính do sự “bồi tụ” về thời gian cũng như sự “lắng đọng” của các lớp văn hóa chưa nhiều nên hệ thống truyền thuyết nhân vật ở vùng ĐBSCL nói chung, tiểu loại truyền thuyết TL2B nói riêng còn vắng bóng những yếu tố thần kỳ trong các tác phẩm.

Tuy nhiên, những mô típ cơ bản của loại truyền thuyết nhân vật như mô típ tài năng, motif chiến công phi thường, mô típ hiển linh đều có xuất hiện trong các truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL.

Kết quả phân tích về đặc trưng cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL đã cho thấy những thông tin rất có ý nghĩa về đặc trưng thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL.

Vấn đề nghiên cứu đặc trưng cấu tạo của tiểu loại truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm ở vùng ĐBSCL đã cho thấy: Cùng với sự vận động của thời gian và không gian, thể loại truyền thuyết dân gian của người Việt cũng luôn luôn vận động và biến đổi cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - xã hội của dân tộc qua từng chặng đường lịch sử. Ở vùng ĐBSCL, cùng với những bước chân Nam tiến của những cư dân người Việt kể từ sau sự kiện Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gả công chúa Ngọc Vạn cho Quốc Vương Chân Lạp Chey Chettha II vào năm 1620, thể loại truyền thuyết dân gian vẫn tiếp tục được hình thành và phát triển với nhiều biến đổi ở vùng đất phía Tây Nam của Việt Nam. Sự hình thành và phát triển của thể loại truyền thuyết ở vùng đất mới phía Nam với những đặc trưng riêng của nó đã giúp cho việc nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc hơn về đặc điểm, giá trị của thể loại truyền thuyết dân gian cũng như quy luật hình thành, tiếp biến và lưu truyền của nó trong những môi trường lịch sử, địa lý, văn hóa khác nhau./.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị An (2000), *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, Luận án tiến sĩ văn học, Viện Văn học, Hà Nội.
2. Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian đọc bằng type và mô típ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Định (2010), *Yếu tố thần kỳ trong truyền thuyết và truyện cổ tích người Việt ở Nam Trung Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1992), *Từ điển thuật ngữ Văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

5. Kiều Thu Hoạch (2004a), *Tổng tập Văn học dân gian người Việt*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Kiều Thu Hoạch (2004b), *Tổng tập Văn học dân gian người Việt*, tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt - góc nhìn thể loại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. A S Hornby (2010), *Oxford Advanced Learners Dictionary*, Oxford University press.
9. Nguyễn Thị Huệ, Trần Thị An (1999), *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam (2006), *Lý luận Văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Nguyệt (2010), *Khảo sát và so sánh một số type và mô típ truyện cổ dân gian Việt Nam - Nhật Bản*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp văn học dân gian*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13. Hoàng Phê (1988), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Phương Thảo (1994), *Văn học dân gian Nam Bộ - những phác thảo*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.